

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
VIỆT NAM
**LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH
NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Ninh Thuận, ngày 14 tháng 5 năm 2021

Số: 971 /LĐLĐ

V/v báo cáo định kỳ công tác phát triển
đoàn viên và thành lập CĐCS năm 2021

Kính gửi: - Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố;
- Công đoàn ngành;
- Công đoàn Các Khu Công nghiệp tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 436/QĐ-LĐLĐ ngày 30/3/2021 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh về việc giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ năm 2021, trong đó có chỉ tiêu phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở năm 2021.

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động (LĐLĐ) tỉnh đề nghị Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn Các Khu Công nghiệp tỉnh báo cáo định kỳ công tác phát triển viên và thành lập công đoàn cơ sở năm 2021 như sau:

1/ Báo cáo 6 tháng (chốt số liệu đến ngày 31/5) gửi về LĐLĐ tỉnh **trước ngày 03/6/2020;**

2/ Báo cáo 01 năm (chốt số liệu đến ngày 15/11) gửi về LĐLĐ **trước ngày 20/11 hàng năm.**

Đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện báo cáo theo mẫu biểu số 01 và biểu số 02 bằng văn bản đúng thời gian quy định như trên gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh; đồng thời gửi file mềm chi tiết về phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở về địa chỉ mail: banctcsldldtinh@gmail.com. *Hai*

Nơi nhận: *Như*

- Như kính gửi;
- Trang tin Điện tử LĐLĐ tỉnh;
- Lưu VP, Ban CTCS.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Hữu Hòa

Số /BC-LĐLĐ

....., ngày tháng năm 2021

BIỂU SỐ 01

Số liệu đoàn viên, công đoàn cấp cơ sở 6 tháng đầu năm 2021

(Số liệu báo cáo đến ngày 31/5/2021)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng đầu kỳ báo cáo (là SL kỳ cuối của BC trước liền kề)	Số lượng cuối kỳ báo cáo (là số liệu tại thời điểm thực hiện Báo cáo)	Chênh lệch so với đầu kỳ	Phân tích diễn biến số lượng			
						Các yếu tố tăng		Các yếu tố giảm	
						Phát triển mới	Chuyển đến	Chuyển đi	Giảm khác
1	2	3	4	5	6=5-4	7 = 6 - 8+9+10	8	9	10
I/	TỔNG SỐ CNVCLĐ	người			0				
	<i>Riêng CNVCLĐ khu vực ngoài nhà nước:</i>	“			0				
II/	TỔNG SỐ DOANH NGHIỆP, TRONG ĐÓ	Đơn vị			0				
1	Số DN có vốn đầu tư nước ngoài	“			0				
2	Tổng số DN từ 25 LĐ trở lên:	“			0				
	<i>Trong đó: Số DN đã có CĐ</i>	“			0				
3	Số DN từ 10 đến dưới 25 LĐ:	“			0				
	<i>Trong đó: Số DN đã có CĐ</i>	“			0				
III/	TỔNG SỐ ĐOÀN VIÊN CÔNG ĐOÀN	Người			0	0	0	0	0
	<i>Trong đó: Đoàn viên CĐ là nữ</i>	“			0				
1	Hành chính sự nghiệp nhà nước:	“			0	0	0	0	0
	<i>Trong đó: - Hành chính nhà nước</i>	“			0				
	<i>- Sự nghiệp công lập</i>	“			0				
	<i>- Xã, phường, thị trấn</i>	“			0				
2	Khu vực sản xuất, kinh doanh:	“			0	0	0	0	0
2.1	Doanh nghiệp nhà nước	“			0				
2.2	Sự nghiệp ngoài công lập	“			0				
2.3	Liên doanh nước ngoài	“			0				
2.4	100% vốn nước ngoài	“			0				
2.5	Công ty cổ phần	“			0				

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng đầu kỳ báo cáo (là SL kỳ cuối của BC trước liền kề)	Số lượng cuối kỳ báo cáo (là số liệu tại thời điểm thực hiện Báo cáo)	Chênh lệch so với đầu kỳ	Phân tích diễn biến số lượng			
						Các yếu tố tăng		Các yếu tố giảm	
						Phát triển mới	Chuyển đến	Chuyển đi	Giảm khác
1	2	3	4	5	6=5-4	7 = 6 - 8+9+10	8	9	10
2.6	Công ty TNHH	“			0				
2.7	Doanh nghiệp tư nhân	“			0				
2.8	Hợp tác xã	“			0				
2.9	Nghiep đoàn	“			0				
2.10	Loại hình khác	“			0				
II/	TỔNG SỐ CÔNG ĐOÀN CẤP CƠ SỞ	CĐCS			0	0	0	0	0
1	Hành chính sự nghiệp nhà nước:	“			0				
	Trong đó: - Hành chính nhà nước	“			0				
	- Sự nghiệp công lập	“			0				
	- Xã, phường, thị trấn	“			0				
2	Khu vực sản xuất, kinh doanh:	“			0	0	0	0	0
2.1	Doanh nghiệp nhà nước	“			0	0			
2.2	Sự nghiệp ngoài công lập	“			0	0			
2.3	Liên doanh nước ngoài	“			0	0			
2.4	100% vốn nước ngoài	“			0	0			
2.5	Công ty cổ phần	“			0	0			
2.6	Công ty TNHH	“			0	0			
2.7	Doanh nghiệp tư nhân	“			0	0			
2.8	Hợp tác xã	“			0	0			
2.9	Nghiep đoàn	“			0	0			
2.10	Loại hình khác	“			0	0			

Người lập

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

[illegible]

[illegible]

....., ngày tháng năm 2021

Người lập

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH